

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 01/2021/QH15 và Luật số 138/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 13/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục của Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm tên cuộc điều tra, mục đích, đối tượng, đơn vị, loại điều tra, nội dung điều tra chủ yếu, kỳ điều tra và cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước (sau đây gọi chung là bộ, ngành), Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 3. Chương trình điều tra thống kê quốc gia

1. Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 03 cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia và 42 cuộc điều tra thống kê được quy định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia được tiến hành định kỳ nhằm thu thập thông tin để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

3. Chương trình điều tra thống kê quốc gia là căn cứ để các bộ, ngành xây dựng kế hoạch điều tra thống kê, phương án điều tra thống kê, dự toán kinh phí và thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

4. Kết quả của các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia phải được công bố, phổ biến theo đúng các quy định của Luật Thống kê và các văn bản có liên quan.

5. Kinh phí thực hiện các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của các bộ, ngành, địa phương; việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan (bao gồm cả các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có)) bảo đảm theo quy mô, tính chất của từng cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê.

6. Thời điểm, thời kỳ, thời gian thu thập thông tin của các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia được quy định cụ thể tại phương án điều tra thống kê.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch điều tra thống kê hằng năm; tổ chức thực hiện các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia; phối hợp với bộ, ngành trong tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê do bộ, ngành chủ trì thực hiện.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng dữ liệu hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành Quyết định này.

2. Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch điều tra thống kê hằng năm; tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia; phối hợp với Bộ Tài chính trong tổ chức thực hiện các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê do Bộ Tài chính chủ trì thực hiện.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng dữ liệu hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong điều tra thống kê.

c) Báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện các cuộc điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với bộ, ngành được giao chủ trì trong tổ chức thực hiện các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia trên địa bàn.

Điều 5. Điều khoản thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Điều khoản thi hành

a) Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2026 và thay thế Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng

Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Điều khoản chuyển tiếp

Các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, điều tra thống kê thực hiện năm 2026 theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành phương án điều tra thống kê trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã ban hành.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). 70



Hồ Đức Phốc



Phụ lục

CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số 14/2026/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I. Các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia								
01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	Thu thập số liệu về dân số, lao động việc làm và nhà ở phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích quy mô, cơ cấu phân bố và tỷ lệ tăng dân số, nguồn lao động và nhà ở của dân cư, là cơ sở để lập dân chọn mẫu cho các cuộc điều tra thống kê có đơn vị điều tra là hộ dân cư.	1. Đối tượng điều tra: - Nhân khẩu thực tế thường trú của hộ dân cư (không phân biệt quốc tịch). - Nhà ở của hộ dân cư. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra toàn bộ: - Dân số chia theo giới tính, tuổi, dân tộc, tôn giáo, tình trạng đi học, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0107, 0115. - Số lượng và chất lượng nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0406, 0407. 2. Điều tra chọn mẫu: Ngoài các chỉ tiêu điều tra toàn bộ, tiến hành điều tra các nhóm chỉ tiêu sau:	Chu kỳ 10 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 9).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Dân số chia theo ngành nghề đào tạo, di cư, tình trạng khuyết tật, tình trạng hôn nhân, tình trạng việc làm của dân số; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0108, 0111. - Tình hình sinh chết của dân số, tình trạng nhà ở và các điều kiện sinh hoạt của hộ có nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0103, 0104, 0105, 0106, 0109, 0113. - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1604. - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1605. - Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1603.			

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) phục vụ nghiên cứu đánh giá quy mô và cơ cấu lao động nông thôn; NLTS; quy mô đất đai, điều kiện sản xuất NLTS; thay đổi kết cấu hạ tầng nông thôn; tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn, NLTS; xây dựng cơ sở dữ liệu về NLTS và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	1. Đối tượng điều tra: Lao động nông thôn, lao động tham gia sản xuất NLTS, hộ nông thôn; hộ tham gia sản xuất NLTS khu vực thành thị; trang trại; doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động NLTS; xã/đặc khu. 2. Đơn vị điều tra: Hộ nông thôn; hộ tham gia sản xuất NLTS khu vực thành thị; trang trại; doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động NLTS; Ủy ban nhân dân xã/đặc khu.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	Tùy thuộc vào kế hoạch chương trình, các chỉ tiêu trong điều tra có thể thay đổi, bổ sung nhưng tập trung vào các nhóm sau: - Thực trạng nền sản xuất NLTS: Số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; tài sản và năng lực sản xuất; tình hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; tiếp cận thông tin của các đơn vị sản xuất; thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tác động của sản xuất NLTS tới môi trường; thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển kinh tế trang trại; phát triển sản xuất hiệu quả và bền vững; vai trò của phụ nữ; kết quả hoạt động tự sản, tự tiêu của các hộ gia đình,...	Chu kỳ 10 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 5).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Thực trạng nông thôn: Thực trạng và những chuyển biến về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; các hình thức hỗ trợ kinh tế nông thôn (hệ thống khuyến nông, lâm, ngư; tiếp cận thị trường;...); vệ sinh môi trường nông thôn; - Thông tin về cư dân nông thôn: Khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của hộ nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tình hình sử dụng điện, nước sạch của cư dân nông thôn; khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu;... Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0303, 0801, 0802, 0805, 0807, 0809, 0811, 0814.			
03	Tổng điều tra kinh tế	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở kinh tế, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang	1. Đối tượng điều tra: Cơ sở sản xuất kinh doanh của tập đoàn, tổng công	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Thông tin chung các đơn vị điều tra: - Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra;	Chu kỳ 5 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa,

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		làm việc trong các cơ sở kinh tế; kết quả hoạt động làm cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp dần mẫu tổng thể phục vụ công tác chọn mẫu cho các cuộc điều tra thống kê.	ty, doanh nghiệp, hợp tác xã; liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; tổ hợp tác; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại		- Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin về tài sản của đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị điều tra: Kết quả sản xuất kinh doanh; sản phẩm sản xuất kinh doanh; chi phí sản xuất kinh doanh; phân phối thu nhập... - Nhóm thông tin về năng lượng; - Nhóm thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh;... - Nhóm thông tin về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; - Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0301, 0501, 0502, 0507, 0509, 0513, 0514.			Thể thao và Du lịch, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			Việt Nam; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. 2. Đơn vị điều tra: Các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hội, hiệp hội; cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; tổ hợp tác; chi nhánh, văn phòng đại diện		2. Đối với doanh nghiệp: - Số doanh nghiệp; số lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu thuần, thu nhập của người lao động, lợi nhuận trước thuế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0304, 0305, 0306. - Thông tin thống kê về lĩnh vực vốn đầu tư, xây dựng, tài khoản quốc gia; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402, 0403, 0404, 0405, 0507, 0509, 0513, 0514, 0515, 0516, 0517. - Thông tin thống kê về lĩnh vực công nghiệp và năng lượng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0902, 0903, 0904, 0908, 0512. - Thông tin thống kê về lĩnh vực thương mại và dịch vụ, công nghệ thông tin, kinh tế số, logistics và khoa học công nghệ; - Chi phí vận tải và bảo hiểm và các chi phí khác của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;			

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			của doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.		Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0515, 0516, 0517, 1001, 1002, 1003, 1004, 1009, 1010, 1201, 1202, 1203, 1311, 1312, 1321, 1405, 1703. 3. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể: - Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; nhóm thông tin về lao động; nhóm thông tin về nhóm sản phẩm và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tài sản; nhóm thông tin về năng lực vận tải, lưu trú, nhóm thông tin về lĩnh vực thống kê chuyên ngành; nhóm thông tin về năng lượng và ứng dụng công nghệ thông tin; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0507, 0509, 0513, 0514, 0902, 0903, 0904, 0908, 1001, 1002, 1003, 1004, 1201, 1202, 1203, 1311, 1312, 1321. 4. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ hợp tác.			

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
II. Các cuộc điều tra thống kê								
01: Điều tra dân số, lao động và việc làm								
04	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ	Thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để lập kế hoạch và xây dựng chính sách dân số và nhà ở, đánh giá các chương trình dân số và nhà ở quốc gia.	1. Đối tượng điều tra: Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ dân cư (không phân biệt quốc tịch); nhà ở của hộ dân cư. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.	Điều tra chọn mẫu	- Thu thập thông tin về quy mô, cơ cấu, phân bố và tỷ lệ tăng dân số; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0107, 0108, 0109, 0111, 0113, 0115. - Tình hình sinh chết của dân số; - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi; - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0103, 0104, 0105, 0106, 1604, 1605. - Thu thập thông tin về nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0406, 0407.	Chu kỳ 10 năm (tiền hành vào các năm có số tận cùng là 4).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
05	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình	Thu thập các thông tin cơ bản về dân số và kế hoạch hóa gia đình làm cơ sở hoạch định chính sách, nghiên cứu biến động dân số và tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình.	1. Đối tượng điều tra: Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ dân cư (không phân biệt quốc tịch). 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.	Điều tra chọn mẫu	- Thu thập thông tin về dân số và một số đặc trưng cơ bản của dân số; tình hình biến động dân số; thông tin về người chết của hộ; - Thông tin về lịch sử sinh của phụ nữ từ 10 - 49 tuổi, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản phụ nữ từ 15 - 49 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0103, 0104, 0105, 0106, 0107, 0108, 0109, 0111, 0113, 0115, 1604, 1605.	Chu kỳ hằng năm (trừ năm tiến hành Tổng điều tra dân số và nhà ở; Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Tư pháp.
06	Điều tra lao động và việc làm	Thu thập thông tin phản ánh thực trạng nguồn lao động và việc làm nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả và phát triển hợp lý nguồn lực thị trường lao động; phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê lao động, việc làm được quy định trong hệ thống	1. Đối tượng điều tra: Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ dân cư (không phân biệt quốc tịch). 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.	Điều tra chọn mẫu	- Đối với thành viên hộ: Họ tên, mối quan hệ với chủ hộ, giới tính, tuổi; - Thông tin của những người từ 15 tuổi trở lên: Tình trạng hôn nhân; tình trạng di cư, tình trạng đi học hoặc tham gia đào tạo, trình độ học vấn; trình độ chuyên môn kỹ thuật; tình trạng việc làm, thất nghiệp và không hoạt động kinh tế trong thời gian tham chiếu; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0201, 0202, 0203, 0204, 0205, 0206, 0208, 0209 và các chỉ tiêu lao động liên quan.	Chu kỳ hằng quý, tần suất điều tra hằng tháng.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Công an.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		Chỉ tiêu thống kê quốc gia. Đồng thời, thu thập thông tin đánh giá của hộ về tình hình đời sống dân cư phục vụ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội định kỳ hàng tháng, quý, năm.			- Thông tin của những người từ 05 - 17 tuổi (chỉ tiến hành điều tra 05 năm một lần). Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0207. - Đối với hộ dân cư: Đánh giá tình hình đời sống của hộ so với tháng trước, tháng cùng kỳ năm trước và các thông tin liên quan đến thu nhập, chi tiêu, các sự kiện tác động tiêu cực đến đời sống của hộ và tình hình nhận trợ giúp của hộ, nguồn trợ giúp.			
02: Điều tra đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản								
07	Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Đánh giá chính xác thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp; làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai trong 05 năm qua và làm căn cứ đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường	1. Đối tượng điều tra: Diện tích các loại đất; các loại đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất. 2. Đơn vị điều tra: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Ủy ban	Điều tra toàn bộ	- Thu thập diện tích của từng loại đất, đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý đất; - Thu thập diện tích các loại đất theo đơn vị hành chính; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0101, 2105.	Chu kỳ 05 năm (tiến hành tính đến hết ngày 31/12 của năm có chữ số cuối là 4 hoặc 9).	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính (Cục Thống kê), Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		quản lý nhà nước về đất đai và nâng cao hiệu quả sử dụng đất; làm cơ sở cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp, các ngành; cung cấp chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, phục vụ nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo, các nhu cầu khác của nhà nước; thông tin phục vụ cho việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc quản lý, sử dụng đất của từng địa phương theo quy định của Luật Đất đai.	nhân dân cấp tỉnh và các đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất.					

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
08	Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) phục vụ nghiên cứu đánh giá quy mô lao động NLTS; quy mô đất đai, điều kiện sản xuất NLTS; thay đổi kết cấu hạ tầng nông thôn; tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn, NLTS; xây dựng cơ sở dữ liệu về NLTS và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	1. Đối tượng điều tra: Lao động tham gia sản xuất NLTS; hộ tham gia sản xuất NLTS; trang trại; doanh nghiệp; hợp tác xã có hoạt động NLTS; xã/đặc khu. 2. Đơn vị điều tra: Hộ tham gia sản xuất NLTS; trang trại; doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động NLTS; Ủy ban nhân dân xã/đặc khu.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Thực trạng nền sản xuất NLTS: Số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; tài sản, năng lực sản xuất; tình hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; tiếp cận thông tin của các đơn vị sản xuất; thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, liên kết sản xuất; tác động của sản xuất tới môi trường; thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển sản xuất hiệu quả và bền vững; phát triển kinh tế trang trại; vai trò của phụ nữ; kết quả hoạt động tự sản, tự tiêu của các hộ gia đình,... - Thực trạng nông thôn: Thực trạng và những chuyển biến về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; các hình thức hỗ trợ kinh tế nông thôn (hệ thống khuyến nông, lâm, ngư; tiếp cận thị trường;...); vệ sinh môi trường nông thôn;	Chu kỳ 10 năm (tiếp hành vào các năm có số tận cùng là 0).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Thông tin về cư dân nông thôn: Khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tình hình sử dụng điện, nước sạch của cư dân nông thôn; khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu;... Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0303, 0513, 0514, 0801, 0802, 0805, 0809, 0811, 0814.			
09	Điều tra diện tích cây nông nghiệp	Thu thập số liệu về diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp theo từng vụ sản xuất đối với cây hằng năm và từng năm, 6 tháng đối với cây lâu năm của mỗi địa phương; làm cơ sở tính toán một số chỉ tiêu như: Sản lượng cây trồng, cơ cấu diện tích gieo trồng, hệ số sử dụng	1. Đối tượng điều tra: Cây nông nghiệp hằng năm; cây nông nghiệp lâu năm trồng tập trung. 2. Đơn vị điều tra: - Thôn, ấp, bản, tổ dân phố của xã, phường, đặc khu (gọi chung là thôn) có gieo trồng cây hằng năm trong vụ sản xuất, có diện tích	Điều tra toàn bộ	1. Điều tra hằng năm - Cây hằng năm: + Diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp hằng năm theo vụ/năm; + Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0801. - Cây lâu năm: Diện tích cây nông nghiệp lâu năm trồng tập trung tại thời điểm điều tra; diện tích cho sản phẩm các loại cây lâu năm hiện có tại thời điểm điều tra; diện tích trồng mới tính đến thời điểm điều tra.	- Chu kỳ hằng năm. + Cây hằng năm, tần suất điều tra theo mùa vụ. + Cây lâu năm, tần suất điều tra 2 kỳ, riêng kỳ 6 tháng điều tra cây lâu năm trọng	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		đất, biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội, giá trị sản xuất theo quý.	cây lâu năm trồng tập trung; - Riêng điều tra cây lâu năm: Đối với kỳ 6 tháng chỉ điều tra các đơn vị có diện tích cho thu hoạch trong kỳ.		Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0802. 2. Điều tra 6 tháng: Diện tích cây lâu năm trọng điểm trồng tập trung cho thu hoạch trong kỳ.	điểm đã cho thu hoạch.		
10	Điều tra năng suất, sản lượng cây nông nghiệp	Thu thập thông tin về tình hình sản xuất cây nông nghiệp phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, cấp tỉnh của ngành trồng trọt, biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội, giá trị sản xuất theo quý, đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp của các cấp, các	1. Đối tượng điều tra: Các loại cây nông nghiệp. 2. Đơn vị điều tra: Hộ; doanh nghiệp; hợp tác xã và đơn vị sự nghiệp thực tế có gieo trồng và thu hoạch sản phẩm cây nông nghiệp trong kỳ.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hằng năm: - Cây hằng năm, thu thập thông tin: Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch; sản lượng sản phẩm thu hoạch; sản lượng sản phẩm bán ra; doanh thu bán sản phẩm và các thông tin liên quan khác. - Cây lâu năm, thu thập thông tin: + Diện tích hiện có; diện tích cho sản phẩm; diện tích trồng mới; sản lượng sản phẩm thu hoạch; sản lượng sản phẩm bán ra; doanh thu bán sản phẩm; chi phí kiến thiết cơ bản vườn cây lâu năm.	- Chu kỳ hằng năm. + Cây hằng năm, tần suất điều tra theo mùa vụ. + Cây lâu năm, tần suất điều tra 2 kỳ, riêng kỳ 6 tháng điều tra cây lâu năm trọng điểm đã cho thu hoạch.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		ngành và đáp ứng nhu cầu thông tin của đối tượng dùng tin khác.			+ Giá trị dịch vụ cho cây trồng nông nghiệp và các chỉ tiêu liên quan khác. 2. Điều tra 6 tháng Diện tích trồng tập trung cho thu hoạch; sản lượng sản phẩm thu hoạch; sản lượng sản phẩm bán ra; doanh thu bán sản phẩm; và các thông tin liên quan khác trong kỳ. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0803, 0804.			
11	Điều tra chăn nuôi	Thu thập thông tin về tình hình sản xuất chăn nuôi trên phạm vi cả nước phục vụ việc biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, cấp tỉnh của ngành chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất chăn nuôi của	1. Đối tượng điều tra: Trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan và vật nuôi khác (ngựa, dê, cừu,...). 2. Đơn vị điều tra: Thôn, ấp, bản, tổ dân phố của xã, phường, đặc khu (gọi chung là thôn); doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có hoạt	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Số lượng vật nuôi tại thời điểm điều tra. - Sản lượng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong kỳ điều tra. - Doanh thu bán sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra. - Giá trị dịch vụ chăn nuôi. - Kết quả hoạt động thu hoạch tổ yến. - Sản xuất con giống của vật nuôi chủ yếu và các thông tin liên quan khác. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0805, 0806.	Chu kỳ hàng quý, hàng năm. - Quý: Lợn, gà, vịt, ngan. - Năm: Trâu, bò, vật nuôi khác.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.	động chăn nuôi và hộ có chăn nuôi trong kỳ.					
12	Điều tra lâm nghiệp	Thu thập thông tin về kết quả sản xuất lâm nghiệp trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ việc biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, cấp tỉnh của ngành lâm nghiệp; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất lâm nghiệp của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.	1. Đối tượng điều tra: Rừng sản xuất; rừng phòng hộ; rừng đặc dụng; cây giống lâm nghiệp; cây lâm nghiệp trồng phân tán. 2. Đơn vị điều tra: Thôn, ấp, bản, tổ dân phố của xã, phường, đặc khu (gọi chung là thôn) có rừng; doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp là chủ rừng có hoạt động sản xuất lâm nghiệp; hộ thuộc thôn có rừng.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Diện tích rừng: Rừng trồng tập trung (diện tích rừng được trồng mới, chăm sóc) phân theo các loại hình rừng; diện tích rừng tự nhiên (rừng khoanh nuôi tái sinh). Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0807. - Giống cây lâm nghiệp; - Chi phí trồng, chăm sóc rừng; - Cây lâm nghiệp trồng phân tán; - Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ; doanh thu bán sản phẩm; - Giá trị dịch vụ lâm nghiệp và các chỉ tiêu liên quan khác; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0808.	Chu kỳ hằng năm.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
13	Điều tra, kiểm kê rừng	Thu thập thông tin cơ bản về rừng như: Tổng diện tích, trữ lượng, cơ cấu các loại rừng, phục vụ quy hoạch, kế hoạch, quản lý, bảo vệ rừng, trồng và chăm sóc rừng trồng.	1. Đối tượng điều tra: Các loại rừng. 2. Đơn vị điều tra: Tổ chức; hộ gia đình; cá nhân; cộng đồng dân cư; Ủy ban nhân dân cấp xã có quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng.	Điều tra toàn bộ	- Tổng diện tích rừng; - Cơ cấu diện tích rừng được phân theo các loại hình rừng; - Trữ lượng rừng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2101. - Tỷ lệ che phủ rừng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2102.	- Chu kỳ 5 năm (tiến hành điều tra rừng hàng năm và tổng hợp công bố kết quả vào các năm có số tận cùng là 4 và 9); - Chu kỳ 10 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 9 thực hiện kiểm kê rừng).	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính (Cục Thống kê).

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
14	Điều tra thủy sản	Thu thập thông tin cơ bản phản ánh kết quả hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ việc biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, cấp tỉnh của hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất nuôi trồng và khai thác thủy sản của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.	1. Đối tượng điều tra: Các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác, giống thủy sản) được nuôi trồng; khai thác; tàu thuyền khai thác thủy sản biển. 2. Đơn vị điều tra: - Thôn, ấp, bản,... của xã (gọi chung là thôn) có hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn. - Tổ dân phố, khu phố, tiểu khu,... của phường, đặc khu (gọi chung là tổ	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Diện tích thu hoạch thủy sản, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, thể tích nuôi trồng thủy sản chia theo loại mặt nước, loại thủy sản, hình thức nuôi trồng và phương thức nuôi trồng. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0809. - Số lượng, công suất và chiều dài tàu thuyền khai thác thủy sản biển có động cơ. - Số ngày hoạt động của tàu khai thác thủy sản biển có động cơ trong tháng. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0811. - Sản lượng thủy sản nuôi trồng, khai thác nội địa, khai thác biển không dùng phương tiện cơ giới trong kỳ. - Sản lượng khai thác thủy sản biển bằng tàu thuyền có động cơ trong tháng.	- Chu kỳ hằng năm: + Nuôi trồng thủy sản; + Khai thác nội địa. - Chu kỳ 6 tháng: - Nuôi trồng thủy sản. - Chu kỳ quý, tần suất điều tra 2 kỳ: Quý I và quý III: Sản lượng thủy sản nuôi trồng chủ yếu; - Chu kỳ hằng tháng	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			dân phố) có diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn từ 0,2 ha trở lên. - Xã, phường, đặc khu có hoạt động khai thác thủy sản biển trên địa bàn. - Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác và hộ thực tế có hoạt động nuôi trồng, sản xuất, thuần dưỡng giống thủy sản, chuyên nuôi cá cảnh trong kỳ. - Hộ khai thác thủy sản trong kỳ.		- Số lượng con giống và số tiền bán giống thủy sản trong kỳ. - Giá trị dịch vụ thủy sản và các chỉ tiêu liên quan khác. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0810.	(các ngày trong tháng): Khai thác biển.		

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
03: Điều tra công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ và vốn đầu tư								
15	Điều tra ngành công nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình sản xuất, kinh doanh ngành công nghiệp làm cơ sở để biên soạn, tổng hợp một số chỉ tiêu thống kê công nghiệp hằng tháng, phục vụ công tác quản lý của các cơ quan nhà nước các cấp và đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.	1. Đối tượng điều tra: Cơ sở sản xuất kinh doanh có hoạt động sản xuất công nghiệp. 2. Đơn vị điều tra: Các tập đoàn; tổng công ty; doanh nghiệp, chi nhánh (cơ sở trực thuộc doanh nghiệp có hoạt động sản xuất công nghiệp); hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể có hoạt động sản xuất công nghiệp.	Điều tra chọn mẫu	- Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực công nghiệp: Sản phẩm công nghiệp chủ yếu sản xuất; tiêu thụ, tồn kho, lao động, doanh thu thuần; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0901, 0902, 0905, 0906. - Thu thập thông tin về xu hướng kinh doanh.	Chu kỳ hằng tháng, hằng quý. Tần suất điều tra hằng tháng, hằng quý.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Công Thương

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
16	Điều tra năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp	Thu thập chỉ tiêu phản ánh năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của sản phẩm công nghiệp.	1. Đối tượng điều tra: Các doanh nghiệp, các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp có hoạt động sản xuất công nghiệp và trực tiếp sản xuất các sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục điều tra. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp, cơ sở trong ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghiệp trên toàn quốc.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra; - Thu thập thông tin về năng lực sản xuất của máy móc, thiết bị để sản xuất sản phẩm công nghiệp; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0907.	Chu kỳ 2 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6 và 8).	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính (Cục Thống kê), Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
17	Điều tra hoạt động xây dựng	Thu thập thông tin hằng quý và hằng năm về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hoạt động xây dựng; hoạt động xây dựng của xã/phường/đặc	1. Đối tượng điều tra: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động xây dựng; các xã/phường/đặc khu và các hộ dân cư có các công trình	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hằng quý - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị điều tra; nhóm chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; nhóm chỉ tiêu về công trình xây dựng thực hiện trong kỳ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502.	- Chu kỳ hằng quý, hằng năm. - Tần suất điều tra hằng quý, hằng năm.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Xây dựng

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		khu và hộ dân cư để tính một số chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của ngành xây dựng, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ công tác quản lý của Nhà nước và các đối tượng dùng tin khác về ngành xây dựng.	xây dựng tự làm hay thuê cơ sở thi công. 2. Đơn vị điều tra: - Đơn vị điều tra hằng quý: Doanh nghiệp có hoạt động xây dựng; Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu có các công trình xây dựng trên địa bàn; hộ dân cư có công trình xây dựng tự làm hoặc thuê cơ sở xây dựng thi công. - Đơn vị điều tra hằng năm: Hộ dân cư có công trình xây dựng tự làm hoặc thuê cơ sở xây dựng thi công.		- Thu thập thông tin về xu hướng kinh doanh. 2. Điều tra hằng năm - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị điều tra; nhóm chỉ tiêu về công trình xây dựng thực hiện trong kỳ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502. - Nhóm chỉ tiêu về nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0404, 0405.			

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
18	Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ	Thu thập thông tin cơ bản về kết quả hoạt động các ngành thương mại, dịch vụ: bán buôn và bán lẻ; vận tải, kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; du lịch lữ hành; hoạt động xuất bản, phát sóng, sản xuất và phân phối nội dung; hoạt động viễn thông; lập trình máy tính, tư vấn, cơ sở hạ tầng máy tính và các dịch vụ thông tin khác; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; hoạt động hành chính và hỗ trợ; giáo dục và đào tạo; y tế	1. Đối tượng điều tra: Cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động thương mại và dịch vụ. 2. Đơn vị điều tra: Các tập đoàn; tổng công ty; doanh nghiệp; hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể có hoạt động thương mại và dịch vụ.	Điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hằng tháng Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực thương mại và dịch vụ: - Tổng doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; doanh thu theo nhóm, ngành hàng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1001. - Doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp hàng hóa, kho bãi, đại lý và các dịch vụ khác hỗ trợ vận tải. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1201. - Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển; khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1202, 1203. - Tổng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống; du lịch lữ hành; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1002, 1703. - Tổng doanh thu dịch vụ khác (doanh thu dịch vụ hoạt động	Chu kỳ hằng tháng, hằng quý. Tần suất điều tra hằng tháng, hằng quý.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		và hoạt động trợ giúp xã hội; nghệ thuật, thể thao và giải trí; hoạt động dịch vụ khác nhằm biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đáp ứng yêu cầu Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và các yêu cầu khác của người dùng tin.			hành chính và dịch vụ hỗ trợ, trừ dịch vụ du lịch lữ hành; doanh thu dịch vụ ngành hoạt động kinh doanh bất động sản; doanh thu dịch vụ ngành giáo dục và đào tạo; doanh thu ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; doanh thu dịch vụ ngành nghệ thuật, thể thao và giải trí; doanh thu dịch vụ ngành hoạt động dịch vụ khác (trừ hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác)); Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1004. - Doanh thu dịch vụ hoạt động kinh doanh bất động sản. Thu thập tính chỉ tiêu Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng. Phục vụ tính tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo quý. 2. Điều tra hằng quý - Kết quả hoạt động của ngành hoạt động xuất bản, phát sóng,			

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					sản xuất và phân phối nội dung; hoạt động viễn thông; lập trình máy tính, tư vấn, cơ sở hạ tầng máy tính và các dịch vụ thông tin khác; - Tổng doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1003, 1311. - Doanh thu dịch vụ hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; - Kết quả hoạt động dịch vụ hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm phục vụ tính tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo quý. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502, 0503.			
19	Điều tra loại hình hạ tầng thương mại	Thu thập thông tin về các loại hình hạ tầng thương mại phổ biến gồm: Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại,... của từng địa	1. Đối tượng điều tra: Loại hình hạ tầng thương mại: Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại,	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra: Tên đơn vị, địa chỉ, điện thoại, fax, email, năm bắt đầu hoạt động, thông tin hoạt động, người đại diện theo pháp luật, loại hình đơn vị điều tra, hình	Chu kỳ 2 năm (tiền hành vào các năm có số tận cùng là 1, 3, 5, 7	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	phổ biến	phương nhằm mục đích tổng hợp, đánh giá tình hình đầu tư và phát triển các loại hình hạ tầng thương mại phổ biến trên phạm vi cả nước làm cơ sở để hoạch định chính sách, phục vụ công tác quản lý nhà nước về hạ tầng thương mại.	trung tâm logistics, cửa hàng tiện lợi. 2. Đơn vị điều tra: Các cơ sở kinh doanh tại chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; tổ chức quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, doanh nghiệp/ban quản lý trung tâm logistics, cửa hàng tiện lợi.		thức sở hữu đơn vị điều tra. - Thông tin về các tiêu chí và tình hình hoạt động kinh doanh đối với đơn vị điều tra: Diện tích; Vị trí của cơ sở kinh doanh; Mặt hàng/nhóm hàng kinh doanh; Phương thức quản lý khách hàng, bán hàng, thanh toán; Hình thức tổ chức, vận doanh; Phạm vi thị trường và khách hàng mục tiêu; Dịch vụ khách hàng; Hiệu quả hoạt động kinh doanh; Tình trạng lao động của cơ sở kinh doanh; Phản ánh môi trường kinh doanh; Môi trường hoạt động kinh doanh và cảm nhận mức độ cạnh tranh Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1005.	và 9).		
20	Điều tra thông tin khách du lịch	Thu thập thông tin khách du lịch nội địa tại các khu, điểm du lịch nhằm biên soạn chỉ tiêu thống kê quốc gia về lĩnh vực du lịch,	1. Đối tượng điều tra: Khách du lịch nội địa tại các khu, điểm du lịch trong nước. 2. Đơn vị điều	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về nhân khẩu học (độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp,...); - Thông tin đặc điểm chuyến đi du lịch (hình thức tổ chức, phương tiện sử dụng, hình thức	Chu kỳ hàng năm, theo mùa du lịch.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	nội địa	nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ công tác quản lý, hoạch định chiến lược, quy hoạch vùng và chính sách phát triển du lịch của các cấp, các ngành.	tra: Khách du lịch nội địa tại điểm du lịch; cơ sở lưu trú; đơn vị lữ hành.		lưu trú,...) và đánh giá của khách du lịch về cảnh quan thiên nhiên, môi trường, điều kiện vật chất, dịch vụ của khu, điểm du lịch; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1706.			
21	Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam	Thu thập thông tin về tổng mức chi tiêu và những khoản chi tiêu chủ yếu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam; làm cơ sở tính mức chi tiêu bình quân chung và cơ cấu chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam; là cơ sở để suy rộng một số chỉ tiêu chủ yếu về du lịch, xuất khẩu dịch vụ du lịch, đáp ứng yêu cầu Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và các yêu cầu khác của người dùng tin.	1. Đối tượng điều tra: Khách du lịch; khách quốc tế đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú. 2. Đơn vị điều tra: Khách du lịch; khách quốc tế đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú; hộ dân cư; các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú.	Điều tra chọn mẫu	- Tổng mức chi tiêu và một số khoản chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam như: Chi đi lại; chi ăn uống; chi lưu trú; chi tham quan; chi cho các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí; chi cho y tế bảo vệ sức khỏe; chi mua hàng hóa; - Một số nhận xét đánh giá của khách quốc tế đối với cảnh quan thiên nhiên, môi trường, điều kiện vật chất, dịch vụ của các cơ sở lưu trú tại Việt Nam; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1009, 1707, 1708, 1709.	Chu kỳ hằng năm, theo mùa du lịch.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
22	Điều tra vốn đầu tư thực hiện	Thu thập thông tin hằng quý và hằng năm nhằm thu thập thông tin về vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội là căn cứ đánh giá tình hình thực hiện vốn đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, xây dựng kế hoạch huy động vốn và định hướng chính sách đầu tư, đánh giá tác động của vốn đầu tư đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của cả nước và tỉnh/thành phố.	1. Đối tượng điều tra: Doanh nghiệp, hợp tác xã đang trong quá trình đầu tư chuẩn bị cho sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp, hợp tác xã, chi nhánh hạch toán độc lập đang hoạt động sản xuất, kinh doanh có thực hiện đầu tư phục vụ sản xuất, kinh doanh; trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và cho đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở; hộ dân cư có đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hằng quý - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng về chủ đầu tư; nhóm chỉ tiêu kết quả vốn đầu tư thực hiện chia theo nguồn vốn đầu tư, khoản mục đầu tư, mục đích đầu tư, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; danh mục các dự án của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401. 2. Điều tra hằng năm - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng về chủ đầu tư; nhóm chỉ tiêu kết quả vốn đầu tư thực hiện chia theo nguồn vốn đầu tư, khoản mục đầu tư, mục đích đầu tư, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; nhóm chỉ tiêu về công trình hoàn thành và năng lực mới tăng của nền kinh tế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402, 0403 và 0404.	Chu kỳ hằng quý, hằng năm. Tần suất điều tra hằng quý, hằng năm.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ, cơ quan ngang bộ, và các cơ quan khác ở trung ương; Ủy ban nhân dân các cấp và các sở, ngành địa phương.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			dựng, sửa chữa nhà ở; đơn vị sự nghiệp có thực hiện đầu tư; xã/phường/đặc khu quản lý xây dựng các dự án, công trình xã hội hóa; Sở Tài chính, các đơn vị phụ trách công tác thống kê, tài chính của bộ, ngành trung ương. 2. Đơn vị điều tra: - Đơn vị điều tra hàng quý: Doanh nghiệp, hợp tác xã, chi nhánh hạch toán độc lập đang trong quá trình đầu tư chuẩn bị cho sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp, hợp tác xã, chi					

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			nhánh hạch toán độc lập đang hoạt động sản xuất, kinh doanh có thực hiện đầu tư phục vụ sản xuất, kinh doanh; trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ cho sản xuất, kinh doanh và cho đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở; hộ dân cư có đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở. - Đơn vị điều tra hằng năm: Trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và cho đầu tư xây dựng, sửa					

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			chữa nhà ở; hộ dân cư có đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở; đơn vị sự nghiệp có thực hiện đầu tư; xã/phường/đặc khu quản lý xây dựng các dự án, công trình xã hội hóa; Sở Tài chính, các đơn vị phụ trách công tác thống kê, tài chính của bộ, ngành trung ương.					
04: Điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp và tài khoản quốc gia								
23	Điều tra doanh nghiệp	Thu thập thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả hoạt	1. Đối tượng điều tra: Cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	Thông tin chung các đơn vị điều tra: - Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin về nguồn vốn,	Chu kỳ hàng năm (trừ năm tiến hành Tổng điều tra kinh	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng,

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, phục vụ cho việc quản lý, hoạch định chính sách, phát triển doanh nghiệp; cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp phục vụ yêu cầu về thống kê doanh nghiệp và các yêu cầu thống kê khác.	phạm vi một ngành kinh tế tại một địa điểm (đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn) của tất cả các ngành kinh tế Việt Nam (trừ ngành Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc, ngành Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình và ngành Hoạt		tài sản, doanh thu, lợi nhuận của đơn vị điều tra; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0304, 0305, 0306. - Nhóm thông tin về năng lượng; Thu thập thông tin thống kê quốc gia mã số 0908. - Nhóm thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị điều tra: Kết quả sản xuất, kinh doanh; sản phẩm sản xuất, kinh doanh; chi phí sản xuất, kinh doanh; phân phối thu nhập... - Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực vốn đầu tư, xây dựng, tài khoản quốc gia; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402, 0403, 0404, 0405, 0501, 0502, 0507, 0509, 0515, 0516, 0517. - Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực công nghiệp; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0902, 0903, 0904. - Thông tin thống kê về lĩnh vực thương mại và dịch vụ, kinh tế số,	té).		Bộ Quốc phòng.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			động của các tổ chức và cơ quan quốc tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam). 2. Đơn vị điều tra: Các tập đoàn; tổng công ty; doanh nghiệp; hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) và các chi nhánh hạch toán độc lập trực thuộc doanh nghiệp.		logistics, công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1001, 1002, 1003, 1004, 1009, 1010, 1201, 1202, 1203, 1311, 1312, 1321, 1405, 1703. - Nhóm thông tin về chi phí sản xuất sản phẩm, chi phí khấu hao tài sản cố định và các chi phí khác phát sinh phục vụ cập nhật hệ số chi phí trung gian. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502. - Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế.			
24	Điều tra cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể	Thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả sản xuất, kinh doanh của các cơ sở, phục vụ công tác quản lý,	1. Đối tượng điều tra: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế Việt Nam (trừ ngành nông nghiệp,	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; nhóm thông tin về lao động; nhóm thông tin về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; nhóm thông tin về nhóm sản phẩm và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; nhóm thông tin về năng lực vận tải, lưu trữ; nhóm thông tin về	Chu kỳ hằng năm (trừ năm tiến hành Tổng điều tra kinh tế).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		hoạch định chính sách; cập nhật cơ sở dữ liệu về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, tính toán các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đáp ứng yêu cầu Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và các yêu cầu khác của người dùng tin.	lâm nghiệp và thủy sản), tổ hợp tác. 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, tổ hợp tác.		lĩnh vực thống kê chuyên ngành. - Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ hợp tác. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502, 0902, 0903, 0904, 1001, 1002, 1003, 1004, 1201, 1202, 1203. Nhóm thông tin về năng lượng và ứng dụng công nghệ thông tin 0908, 0512, 0515, 0516, 0517, 1311, 1312, 1321.			
25	Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở hành chính, sự nghiệp, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp; kết quả thu, chi của cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng,	1. Đối tượng điều tra: Các cơ quan Đảng; Nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội và các cơ sở trực thuộc; các cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập. 2. Đơn vị điều tra: - Cơ sở hành chính, bao gồm các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở trực thuộc cơ quan hành chính.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin về kết quả thu, chi; - Nhóm thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin; - Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0302.	Chu kỳ điều tra 5 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Nội vụ	Bộ Tài chính (Cục Thống kê), Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		đào tạo nguồn nhân lực.	Cụ thể gồm các đơn vị điều tra sau: + Các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp từ trung ương đến địa phương; + Các cơ sở trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức nói trên (không bao gồm các cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở kinh tế). - Các cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập.					
26	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối	Lập bảng cân đối liên ngành (I/O) làm cơ sở đánh giá kết quả sản xuất chi tiết theo ngành sản phẩm và đánh giá sự thay đổi cơ cấu chi phí sản xuất, tích lũy,	1. Đối tượng điều tra: Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, hợp tác xã; cơ sở sản xuất kinh	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Đối với Ngân hàng Nhà nước: Thông tin về dư nợ tín dụng phân chi tiết theo một số ngành nhỏ hơn ngành kinh tế cấp 1 của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (theo mục đích sử dụng vốn vay của từng khoản vay được quy định tại chế độ báo cáo	Chu kỳ 5 năm (tiền hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian	tiêu dùng, xuất nhập khẩu và các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp khác; làm cơ sở tính toán các hệ số cơ bản phục vụ biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia.	doanh cá thể phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; đơn vị không vì lợi phục vụ hộ gia đình; hộ dân cư tiêu dùng cuối cùng; Ngân hàng Nhà nước. 2. Đơn vị điều tra: - Ngân hàng Nhà nước. - Các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (viết gọn là cơ quan hành chính) và đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị dự toán cấp II, cấp III hoặc cấp IV); đơn vị sự nghiệp ngoài		thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). - Đối với doanh nghiệp: Thông tin về loại hình, ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh, ngành sản phẩm chính, doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí khấu hao tài sản cố định, thu nhập, thuế, thành phẩm tồn kho và sản phẩm dở dang... - Đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: Thông tin về loại hình, ngành sản phẩm chính; các hoạt động thu của đơn vị, các hoạt động chi thường xuyên, tổng giá trị khấu hao/hao mòn tài sản cố định, chi phí cho người lao động, chi trả lãi tiền vay ngân hàng (nếu có), các khoản nộp ngân sách nhà nước, tổng chi phúc lợi xã hội trong năm. - Đối với đơn vị hiệp hội, cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng và các đơn vị không vì lợi khác: Thông			

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			công lập; hiệp hội. - Doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, hợp tác xã đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và hiện đang hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. - Hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. - Đơn vị không vì lợi phục vụ hộ gia đình. - Hộ dân cư tiêu dùng cuối cùng.		tin về loại hình hoạt động, ngành nghề hoạt động, ngành sản phẩm chính của cơ sở; lao động, thu hoạt động và chi hoạt động thường xuyên của cơ sở trong năm. - Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: Thông tin về loại hình, ngành nghề hoạt động; lao động, doanh thu từ sản phẩm, chi phí cho sản xuất sản phẩm, thu nhập, thuế, thành phẩm tồn kho và sản phẩm dở dang. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502, 0505, 0514, 0516, 0517. - Đối với hộ tiêu dùng sản phẩm vật chất và dịch vụ: Thông tin về tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0506.			

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
27	Điều tra đơn vị sự nghiệp và đơn vị không vì lợi	Thu thập thông tin tính giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và đơn vị không vì lợi.	1. Đối tượng điều tra: Các đơn vị sự nghiệp và đơn vị không vì lợi. 2. Đơn vị điều tra: Các đơn vị sự nghiệp và đơn vị không vì lợi.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin định danh của đơn vị bao gồm: Tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có), điện thoại, email, thông tin về người đứng đầu; loại hình tổ chức của đơn vị. - Thông tin về lao động của đơn vị. - Thông tin về tài sản của đơn vị. - Thông tin về kết quả hoạt động (doanh thu, chi phí, phân phối thu nhập) của đơn vị. - Thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin. Thu thập thông tin phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502, 0507, 0509, 0517.	Chu kỳ 5 năm (tiếp hành vào các năm có số tận cùng là 3 và 8).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Khoa học và Công nghệ

05: Điều tra giá

28	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	Thu thập giá bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng phục vụ tính chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hằng tháng, nhằm cung cấp số liệu về mức độ biến động giá tiêu	1. Đối tượng điều tra: Các hàng hóa và dịch vụ đại diện cho tiêu dùng của dân cư. 2. Đơn vị điều	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá bán lẻ (bao gồm VAT) hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng. Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1101,	Chu kỳ hằng tháng, tần suất điều tra 3 kỳ một tháng.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	
----	------------------------------	--	---	-------------------	---	--	-----------------------------	--

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		dùng cho Chính phủ, các bộ, các ngành sử dụng trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu chính sách, quản lý tài chính, tiền tệ. Làm cơ sở tính toán một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	tra: Cơ sở kinh doanh chuyên bán lẻ (sạp hàng, quầy hàng, điểm bình ổn giá, siêu thị, cửa hàng tiện ích...); cơ sở kinh doanh dịch vụ; cơ quan; trường học; cơ sở khám chữa bệnh có địa điểm kinh doanh ổn định, thuộc các loại hình kinh tế.		1102, 1103. - Cung cấp, bổ sung thông tin tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105. - Thu thập thông tin về mức giá hàng hóa và dịch vụ đại diện theo Chương trình so sánh quốc tế của Ngân hàng Phát triển Châu Á phục vụ tính toán sức mua tương đương từ đó đánh giá tương quan giàu nghèo giữa các quốc gia trong khu vực.			
29	Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	Để biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất hàng quý phục vụ công tác điều hành, quản lý, xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất, kế hoạch nhập khẩu vật	1. Đối tượng điều tra: Các mặt hàng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đại diện dùng cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo và xây dựng.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá của người sản xuất khi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất (bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến nơi sản xuất, trợ cấp sản xuất, không bao gồm VAT); Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1104.	Chu kỳ hàng quý, tần suất điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		tư, nhiên liệu, phát triển công nghiệp phụ trợ, vùng nguyên liệu. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh. Là cơ sở để ngành thống kê tính giá trị tăng thêm theo phương pháp giảm phát 2 lần rút gọn theo ngành kinh tế.	2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp/ hợp tác xã, chi nhánh trực thuộc doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp, thủy sản kinh doanh mặt hàng nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho ngành sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng; Doanh nghiệp/ hợp tác xã, chi nhánh trực thuộc doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động trong các ngành sản xuất nông, lâm					

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			ngành, thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng.					
30	Điều tra giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Để biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hằng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác quản lý điều hành, xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và biên soạn một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Các mặt hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản được đơn vị sản xuất và bán ra thuộc danh mục đại diện tính chỉ số giá. 2. Đơn vị điều tra: Hộ, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác trực tiếp sản xuất và bán mặt hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, có địa điểm sản xuất kinh doanh ổn định.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá sản xuất hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (bao gồm trợ cấp sản xuất, không bao gồm VAT, chi phí bán hàng, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, lưu kho, lưu bãi hàng hóa, chi phí kiểm dịch, kiểm định, chi phí thông quan, hải quan (đối với hàng xuất khẩu), chi phí dịch vụ logistics, chi phí cầu đường, bến bãi liên quan đến vận chuyển hàng hóa, cước vận tải). Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	Chu kỳ hằng quý, tần suất điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
31	Điều tra giá	Để biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá sản xuất	1. Đối tượng điều tra: Các mặt hàng	Điều tra chọn	- Thông tin chung về đơn vị điều tra;	Chu kỳ hằng quý,	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	sản xuất công nghiệp	công nghiệp hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác quản lý điều hành, xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và biên soạn một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	công nghiệp được đơn vị sản xuất, bán ra thuộc danh mục đại diện tính chỉ số giá. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp, hợp tác xã hạch toán kinh tế độc lập có hoạt động sản xuất công nghiệp và bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ công nghiệp, có địa điểm sản xuất kinh doanh ổn định.	mẫu	- Điều tra giá bán của người sản xuất hàng công nghiệp (bao gồm trợ cấp sản phẩm, không bao gồm VAT, chi phí bán hàng, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, lưu kho, lưu bãi hàng hóa, chi phí kiểm dịch, kiểm định, chi phí thông quan, hải quan (đối với hàng xuất khẩu), chi phí dịch vụ logistics, chi phí cầu đường, bến bãi liên quan đến vận chuyển hàng hóa, cước vận tải); Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	tần suất điều tra 3 kỳ một quý.	(Cục Thống kê)	
32	Điều tra giá sản xuất dịch vụ	Để biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá sản xuất dịch vụ hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành	1. Đối tượng điều tra: Các sản phẩm dịch vụ được cung ứng ra thị trường thuộc danh mục đại diện tính chỉ	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá cước đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không, dịch vụ kho bãi, bốc xếp, bưu chính, chuyển	Chu kỳ hàng quý, tần suất điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển ngành sản xuất dịch vụ bảo đảm cung cầu trên thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	số giá. 2. Đơn vị điều tra: Các doanh nghiệp, hợp tác xã hạch toán kinh tế độc lập, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp, thủy sản trực tiếp sản xuất và cung cấp các sản phẩm dịch vụ có địa điểm sản xuất kinh doanh ổn định.		phát; mức giá dịch vụ lưu trú, thông tin, truyền thông, dịch vụ kinh doanh bất động sản, chuyên môn, khoa học công nghệ, hành chính, dịch vụ khác (bao gồm trợ cấp sản xuất, không bao gồm VAT). Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.			nghệ
33	Điều tra giá sản xuất xây dựng	Để biên soạn chỉ số giá sản xuất xây dựng hằng quý nhằm: Phục vụ đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách và xây dựng kế hoạch	1. Đối tượng điều tra: Cơ sở ngành xây dựng có tiến hành xây dựng các công trình được chọn mẫu đại diện điều tra giá.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá của công trình xây dựng hoặc mức giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy móc thiết bị xây dựng, vận tải; giá dịch vụ xây dựng chuyên dụng (bao gồm	Chu kỳ hằng quý, tần suất điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Xây dựng

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		phát triển ngành sản xuất xây dựng. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp hạch toán độc lập, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể		trợ cấp sản xuất không bao gồm VAT). Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.			
34	Điều tra giá bất động sản	Để tính chỉ số giá bất động sản phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong việc đánh giá, dự báo xu hướng thị trường bất động sản, trên cơ sở đó đề ra các cơ chế, chính sách để xây dựng, phát triển lành mạnh thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Các loại bất động sản là căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, nhà ở khác, đất nền, văn phòng,... đại diện trên thị trường. 2. Đơn vị điều tra: Các công ty kinh doanh bất động sản; các sàn giao dịch bất động sản; các cơ quan quản lý, theo dõi giao dịch thị trường bất động sản.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá mua bán căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, nhà ở khác, đất nền, văn phòng,... trên thị trường. - Điều tra các đặc điểm đi kèm của bất động sản như vị trí, diện tích mặt sàn, tổng diện tích sử dụng, số mét mặt tiền,... Thu thập thông tin tại địa bàn kết hợp với khai thác, sử dụng, xử lý thông tin từ cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế để tổng hợp, biên soạn chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1106.	Chu kỳ hằng quý, tần suất điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
35	Điều tra giá tiền lương	Để tính chỉ số giá tiền lương giúp các cơ quan chức năng nghiên cứu và xây dựng chính sách tiền lương phù hợp. Dùng tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Các ngành, công việc đại diện. 2. Đơn vị điều tra: Các doanh nghiệp; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan quản lý nhà nước; các đơn vị sự nghiệp; hộ gia đình.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Thông tin về mức tiền lương, thu nhập. - Thông tin về chi phí sử dụng lao động. - Các thông tin khác liên quan đến lao động và chi phí sử dụng lao động. Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1107.	Chu kỳ hằng quý, tần suất điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Nội vụ.
36	Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu	Để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của cả nước sử dụng giảm phát các chỉ tiêu thống kê trong hệ thống tài khoản quốc gia; phục vụ phân tích vĩ mô, phân tích hiệu quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và các mục đích sử dụng khác.	1. Đối tượng điều tra: Các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu đại diện. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá xuất khẩu (giá FOB). - Điều tra mức giá nhập khẩu (giá CIF). Thu thập, khai thác và xử lý thông tin từ cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan phục vụ tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số	Chu kỳ hằng quý, tần suất điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		Dùng tính các chỉ tiêu thống kê kinh tế tổng hợp theo giá so sánh.			1108, 1109.			
06: Điều tra khoa học công nghệ, kinh tế số								
37	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	Thu thập thông tin về nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng và các tiềm lực khoa học và công nghệ khác phục vụ đánh giá xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch khoa học và công nghệ.	1. Đối tượng điều tra: Các tổ chức khoa học và công nghệ. 2. Đơn vị điều tra: Các tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; cơ sở giáo dục đại học; bệnh viện; các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.	Điều tra toàn bộ	Tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm: - Hạ tầng cơ sở; thông tin; vật lực; tài chính; tiềm lực khác; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1401. - Nhân lực; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1402.	Chu kỳ 5 năm (tiền hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)
38	Điều tra	Thu thập thông tin về nghiên cứu khoa	1. Đối tượng điều tra: Các tổ	Điều tra toàn bộ	- Nhóm thông tin về đơn vị cơ sở;	Chu kỳ 2 năm (tiền	Bộ Khoa	Bộ Tài chính (Cục

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	học và phát triển công nghệ của quốc gia phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch khoa học và công nghệ.	chức khoa học và công nghệ; các cơ quan hành chính và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, các đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam và các Hội nghề nghiệp khác; các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin về nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1403. - Nhóm thông tin về chi phí cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1406.	hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6 và 8).	học và Công nghệ	Thống kê)

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2. Đơn vị điều tra: - Các tổ chức khoa học và công nghệ: Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; cơ sở giáo dục đại học; bệnh viện; tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ. - Các cơ quan hành chính và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, các đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.					

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			- Các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam và các Hội nghề nghiệp khác. - Các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.					
39	Điều tra thống kê thương mại điện tử	Thu thập thông tin mức độ sẵn sàng ứng dụng, trình độ ứng dụng, mức độ đầu tư và hiệu quả ứng dụng thương mại điện tử của các thương nhân.	1. Đối tượng điều tra: Thương nhân trên toàn quốc. 2. Đơn vị điều tra: Thương nhân trên toàn quốc	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra; - Thông tin về mức độ sẵn sàng ứng dụng thương mại điện tử của thương nhân; - Trình độ ứng dụng thương mại điện tử của thương nhân; - Hiệu quả ứng dụng thương mại điện tử của thương nhân; - Mức đầu tư cho thương mại	Chu kỳ 2 năm (tiền hành vào các năm có số tận cùng là 1, 3, 5, 7 và 9).	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					điện tử của thương nhân; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1309.			
07: Điều tra y tế, xã hội và môi trường								
40	Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập	Thống kê số lượng cơ sở, số giường bệnh, số nhân lực y tế trong lĩnh vực y tế ngoài công lập.	1. Đối tượng điều tra: Nhân lực y tế; cơ sở y tế ngoài công lập. 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở y tế ngoài công lập.	Điều tra toàn bộ	- Thông tin chung về đơn vị cơ sở; - Thông tin về nhân lực; - Thông tin về cơ sở, giường bệnh, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin liên quan đến khám chữa bệnh từ xa; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1601, 1602, 1610.	Chu kỳ 02 năm	Bộ Y tế	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)
41	Điều tra dinh dưỡng	Cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tình hình dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi.	1. Đối tượng điều tra: Trẻ em dưới 5 tuổi; bà mẹ trong độ tuổi sinh đẻ từ 15 - 49 tuổi. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đối tượng điều tra; - Tình trạng dinh dưỡng; - Các yếu tố liên quan đến tiền sử bệnh tật, nuôi dưỡng, khẩu phần ăn và vi chất dinh dưỡng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1607.	Chu kỳ hằng năm	Bộ Y tế	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)
42	Khảo sát mức	Thu thập thông tin làm căn cứ đánh giá mức sống, đánh giá	1. Đối tượng điều tra: - Các thành viên hộ;	Điều tra chọn mẫu	1. Đối với hộ: - Thông tin định danh của hộ;	Chu kỳ hằng quý, tần suất	Bộ Tài chính (Cục	Bộ Nông nghiệp và Môi trường,

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	sống dân cư Việt Nam	tình trạng nghèo đói và phân hóa giàu nghèo, giám sát và đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia, cung cấp số liệu để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng, mức sống tối thiểu và phục vụ tính toán Hệ thống tài khoản quốc gia.	- Hộ dân cư; - Các xã có hộ dân cư được khảo sát (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8). 2. Đơn vị điều tra: - Hộ dân cư; - Các xã có hộ dân cư được khảo sát (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).		- Thông tin của thành viên hộ về nhân khẩu học, giáo dục, y tế, nhân trắc, việc làm và tiền lương, tiền công; - Thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo thu nhập và thu nhập khác của hộ; - Thông tin về chi tiêu của hộ, gồm: Chi cho ăn, mặc, ở, đi lại, giáo dục, y tế, văn hoá, tiêu dùng năng lượng,... và chi khác (chỉ điều tra vào các năm có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8); - Thông tin thống kê về công nghệ thông tin và truyền thông; - Thông tin về điều kiện sống của hộ gồm: Nhà ở, điện, nguồn nước sử dụng, điều kiện vệ sinh, môi trường, xử lý rác thải sinh hoạt và đồ dùng lâu bền; Thu thập thông tin nhằm tính toán các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0407, 0506, 0813,	điều tra hằng quý	Thống kê)	Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					0908, 1101, 1305, 1306, 1308, 1313, 1317, 1320, 1802, 1803, 1804, 1805, 1808, 1809, 1810. 2. Đối với xã (chỉ điều tra vào các năm có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6 và 8). Thu thập thông tin phản ánh điều kiện sống trong phạm vi xã ảnh hưởng đến mức sống của hộ, gồm: - Tình hình chung về nhân khẩu, dân tộc; - Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chủ yếu: Hiện trạng điện, đường, trường học, trạm y tế, chợ, bưu điện và nguồn nước; - Tình trạng kinh tế: Tình hình sản xuất nông nghiệp, cơ hội việc làm phi nông nghiệp; - Một số thông tin cơ bản về trật tự an toàn xã hội, ô nhiễm môi trường; xử lý và thu gom rác thải, tín dụng và tiết kiệm.			

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
43	Khảo sát sức khỏe dân cư và kinh nghiệm cuộc sống	Thu thập thông tin về tình hình bạo lực, nhận thức của người dân về việc phòng, chống bạo lực nhằm cung cấp thông tin để đánh giá, giám sát tình hình bạo lực trong xã hội để có các chính sách, chương trình phù hợp nhằm giảm thiểu tình trạng bạo lực trong xã hội.	1. Đối tượng điều tra: Thành viên hộ dân cư. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin cơ bản (tuổi, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân;...); - Thông tin từ nạn nhân bị bạo lực (thể xác/tình dục/tình thân); - Thông tin của đối tượng phỏng vấn về an toàn xã hội; - Cảm nhận về mức độ an toàn của khu vực người dân đang sinh sống. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1905.	Chu kỳ 10 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo
44	Điều tra người khuyết tật	Thu thập thông tin chi tiết về người khuyết tật phục vụ hoạch định chính sách bảo đảm quyền lợi cho người khuyết tật.	1. Đối tượng điều tra: Thành viên hộ dân cư, người khuyết tật đang thực tế thường trú tại các cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật; trường tiểu học, trung học cơ sở đóng tại địa bàn xã, phường, đặc khu; trạm y tế xã,	Điều tra chọn mẫu	- Tỷ lệ người khuyết tật chia theo dạng tật, mức độ khuyết tật và nguyên nhân khuyết tật; - Đánh giá thực trạng điều kiện sống và an sinh xã hội cho người khuyết tật; - Xác định nhu cầu và quyền bình đẳng cơ hội về chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng; - Nhu cầu và quyền bình đẳng cơ hội về giáo dục, việc làm;	Chu kỳ 5 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 3 và 8).	Bộ Tài chính (Cục Thống kê)	Bộ Nội vụ, Bộ Y tế.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			phường, đặc khu; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư; cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; trường tiểu học; trung học cơ sở đóng tại địa bàn xã, phường, đặc khu; trạm y tế xã, phường, đặc khu.		- Xác định nhu cầu và quyền bình đẳng cơ hội tiếp cận thông tin và truyền thông; - Xác định nhu cầu và quyền bình đẳng tiếp cận các công trình xây dựng, giao thông công cộng; - Thái độ đối với người khuyết tật; - Cung cấp thông tin đánh giá Luật người khuyết tật của Việt Nam và Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật, giám sát các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) về người khuyết tật; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0110.			
45	Điều tra các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường	Thu thập thông tin về môi trường làm cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu, hoạch định chính sách và biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về bảo vệ môi trường.	1. Đối tượng điều tra: Các doanh nghiệp; cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; hộ gia đình có phát sinh chất thải; cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp;	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường; nội dung cấp phép, đăng ký, chứng nhận, xác nhận; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, công tác bảo vệ	Chu kỳ hằng năm (riêng đối với chỉ tiêu mã số 2104 là chu kỳ 05 năm, tiến hành vào các năm có	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế.

STT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra chủ yếu	Kỳ điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			cán bộ, chuyên gia tham gia công tác bảo vệ môi trường. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ; hộ gia đình có phát sinh chất thải; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.		môi trường của cụm công nghiệp; - Thông tin về chất lượng môi trường; chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định pháp luật. - Thông tin về nguồn lực và đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường. - Thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2104, 2106, 2107, 2111.	số tận cùng là 0 và 5).		